

Chǎo fàn

炒饭

Chǎo miàn

炒面

pī sà

披萨

jiǎo zi

饺子

shǔ tiáo

薯条

sān míng zhì

三明治

miàn tiáo

面条

hàn bǎo

汉堡

bāo zi

包子

mǐ fàn

米饭

Match the following :



 **LIVEWORKSHEETS**